

## Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma Giáo Trình Trung Bộ Kinh – Majjhima Nikāya

**Bài học ngày 18.6.2020**

---

### 7. Kinh Ví Dụ Tấm Vải (Vatthūpama Sutta)

Tên kinh được gọi là Ví Dụ Tấm Vải vì Đức Phật dùng tấm vải nói lên ý nghĩa của tâm ô nhiễm hay thanh tịnh. Trước kia bài kinh được dịch là Kinh Bồ Du cũng mang nghĩa tương tự. Cối ác xấu chờ đợi một tâm ô nhiễm, như một tấm vải cấu bẩn đem nhuộm sẽ có màu đậm nhạt không đều. Ngược lại, cối tốt lành chờ đợi một tâm không thanh tịnh hiền thiện như tấm vải sạch khi nhuộm sẽ có màu đẹp. Đức Phật nêu rõ thế nào cấu uế của tâm và thế nào là một nội tâm tốt lành. Pháp thoại được giảng cho chư tỳ kheo nhưng Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja cũng có mặt, nhân đó, hỏi về pháp tẩy trần bằng tịnh thủy của sông Bāhukā. Câu trả lời của Đức Phật khiến vị này được khai ngộ xin xuất gia sau này trở thành một thánh đệ tử viên mãn giải thoát.

#### 027. Dụ ngôn tấm vải

Tấm vải trước khi nhuộm phải giặt sạch nếu không sẽ không được nhuộm tốt:



#### Kinh Văn

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sāvathī (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ Thế Tôn gọi các Tỳ-kheo: "Này các Tỳ-kheo". --"Bạch Thế Tôn", các vị Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

-- Này các Tỳ-kheo, như một tấm vải cấu uế, nhiễm bụi, một người thợ nhuộm nhúng tấm vải ấy vào thuốc nhuộm này hay thuốc nhuộm khác - hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc tím - vải ấy sẽ được màu nhuộm không tốt đẹp, sẽ được màu nhuộm không sạch sẽ. Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, vì tấm vải không được trong sạch. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, cối ác chờ đợi một tâm cấu uế. Này các Tỳ-kheo, như

một tấm vải thanh tịnh, trong sạch, một người thợ nhuộm nhúng tấm vải ấy vào thuốc nhuộm này hay thuốc nhuộm khác - hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc tím, vải ấy sẽ được màu nhuộm tốt đẹp, sẽ được màu nhuộm sạch sẽ. Vì sao vậy? Đây các Tỷ-kheo, vì tấm vải được trong sạch. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cõi thiện chờ đợi một tâm không cấu uế.

### ***028. Những cấu uế của nội tâm***

*Danh sách cấu uế phiền não trong bài kinh này được nêu gồm 16 thứ:*

*Tà dục (abhijjhāvisamalobho)*

*Bực bội ác ý (byāpādo)*

*Phẫn nộ (kodho)*

*Thù oán (upanāho)*

*Khinh thị (makkho)*

*Xác xược (palāso)*

*Tật đố (issā)*

*Xan tham (macchariyam)*

*Dối trá (māyā)*

*Phản trắc (sātheyyam)*

*Ngoan cố (thambho)*

*Manh động (sārambho)*

*Kiêu căng (māno)*

*Quá mạn (atimāno)*

*Khoe khoang (mado)*

*Giải đãi (pamādo)*



## **Kinh Văn**

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những cấu uế của tâm? Tham dục, tà tham là cấu uế của tâm, sân là cấu uế của tâm, phẫn là cấu uế của tâm, hận là cấu uế của tâm, hư ngụy, não hại, tật đố, xan tham, man trá, khi cuồng, ngoan cố, cấp tháo, quá mạn, kiêu, phóng dật là cấu uế của tâm.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghĩ rằng: "Tham dục, tà tham là cấu uế của tâm" và sau khi biết vậy, vị ấy đoạn trừ tham dục, tà tham cấu uế của tâm; nghĩ rằng: "Sân là cấu uế của tâm", và sau khi biết vậy, vị ấy đoạn trừ sân, cấu uế của tâm; phẫn... hận... hư ngụy... não hại, tật đố, xan tham, man trá, khi cuồng... ngoan cố... cấp tháo... mạn... quá mạn... kiêu; nghĩ rằng: "Phóng dật là cấu uế của tâm" thì sau khi biết vậy, vị ấy đoạn trừ phóng dật, cấu uế của tâm.

### **029. Nội tâm thanh tịnh**

*Nội tâm thanh tịnh trong bài kinh này được Đức Phật dạy không phải là một trạng thái mà là một trình tự với nhiều công đoạn:*

- a. Ý thức và đoạn diệt những cấu uế nội tại*
- b. Thành tựu chánh tín ở Phật, Pháp, Tăng*
- c. Có được những chất liệu tốt để làm nền tảng cho thiền định*
- d. Thành tựu thiền định và đạo quả*



## **Kinh Văn**

Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo biết được: "Tham dục, tà tham là cấu uế của tâm", tham dục, tà tham cấu uế của tâm được diệt trừ, ... sân... phẫn... hận... hư ngụy... não hại... tật đố... xan tham... man trá... khi cuồng... ngoan cố... cấp tháo... mạn... quá mạn... kiêu; khi nào Tỷ-kheo biết được: "Phóng dật là cấu uế của tâm", phóng dật, cấu uế của tâm được diệt trừ, Tỷ-kheo ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối đối

với Phật: Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Vô Thượng Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Vị ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Pháp: Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí chứng hiểu

Vị ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với chúng Tăng: Diệt hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Trục hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Như lý hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Chánh hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời.

Đến giai đoạn này, đối với vị ấy có sự từ bỏ, có sự diệt trừ, có sự giải thoát, có sự đoạn trừ, có sự xả ly. Vị ấy tự nghĩ: "Ta thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Thế Tôn", và chúng được nghĩa tín thọ, chúng được pháp tín thọ, chúng được hân hoan liên hệ đến pháp, từ hân hoan, hỷ sanh, từ hỷ thân được khinh an, thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với lạc thọ, tâm được Thiền định.

Vị ấy tự nghĩ: "Ta thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Pháp", và chúng được nghĩa tín thọ, chúng được pháp tín thọ, chúng được hân hoan liên hệ đến pháp; từ hân hoan, hỷ sanh, từ hỷ thân được khinh an; thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với lạc thọ, tâm được Thiền định.

Vị ấy tự nghĩ: "Ta thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Tăng", và chúng được nghĩa tín thọ, chúng được pháp tín thọ, chúng được hân hoan liên hệ đến pháp; từ hân hoan hỷ sanh; từ hỷ, thân được khinh an, thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với lạc thọ, tâm được Thiền định.

Vị ấy tự nghĩ: "Đến giai đoạn này, đối với Ta, có sự từ bỏ, có sự diệt trừ, có sự giải thoát, có sự đoạn trừ, có sự xả ly", và chúng được nghĩa tín thọ, chúng được pháp tín thọ, chúng được hân hoan liên hệ đến pháp; từ hân hoan, hỷ sanh; từ hỷ, thân khinh an; thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với lạc thọ, tâm được Thiền định.

Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo, giới như vậy, pháp như vậy, tuệ như vậy, - nếu có ăn đồ khát thực với gạo thơm, hạt đen được vất đi, với các món canh, với các món ăn khác cũng không vì vậy trở thành một chướng ngại cho vị ấy. Này các Tỷ-kheo, như một tấm vải cấu uế, nhiễm bụi, nếu bỏ trong nước sạch, trở thành thanh tịnh sạch sẽ, như bỏ vào lò lửa trở thành thanh tịnh sạch sẽ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-

kheo, giới như vậy, pháp như vậy, tuệ như vậy, - nếu có ăn đồ khát thực với gạo thơm, hạt đen được vất đi, với các món canh, với các món ăn khác, cũng không vì vậy trở thành một chướng ngại cho vị ấy.

Vị ấy an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

Vị ấy an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi ...(như trên)... với tâm câu hữu với hỷ... (như trên)... biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân.

Vị ấy biết: "Có cái này, có cái hạ liệt, có cái cao thượng, có sự giải thoát vượt qua các tướng".

Do vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát, sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là Tỷ-kheo đã được tắm rửa với sự tắm rửa nội tâm.

### ***030. Làm trong sạch theo tín ngưỡng dân gian***

*Bà la môn Sundarika Bhāradvāja bạch hỏi Đức Phật có từng tác tịnh bằng cách tịnh thủy của sông Bāhukā, một dòng sông thiêng theo niềm tin của Bà la môn giáo:*



### **Kinh Văn**

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja đang ngồi không xa Thế Tôn. Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

-- Tôn giả Gotama có đi đến sông Bāhukā để tắm rửa không?

-- Nay Bà-la-môn, sông Bāhukā là gì? Sông Bāhukā có làm được lợi ích gì?

-- Tôn giả Gotama, sông Bāhukā được nhiều người xem là có khả năng giải thoát. Tôn giả Gotama, sông Bahuka được nhiều người xem là có khả năng đem lại công đức. Và nhiều người đã gội sạch các ác nghiệp trong sông Bāhukā.

Rồi Thế Tôn nói lên những bài kệ sau đây cho Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja:

*Trong sông Bāhukā  
Tại Adhikakkā,  
Tại cả sông Gayā  
Và Sundarikā,  
Tại Sarassatī  
Và tại Payāna,  
Tại Bāhumatī,  
Kẻ ngu dẫu thường tắm,  
Ác nghiệp không rửa sạch.  
Sông Sundarikā  
Có thể làm được gì?  
Payāga làm gì?  
Cả sông Bāhukā?  
Không thể rửa nghiệp đen  
Của kẻ ác gây tội.  
Đối kẻ sống thanh tịnh,  
Ngày nào cũng ngày tốt,  
Với kẻ sống thanh tịnh,  
Ngày nào cũng ngày lành,  
Các tịnh nghiệp thanh tịnh,  
Luôn thành tựu (thiện) hạnh.  
Này vị Bà-la-môn,  
Chỉ nên tắm ở đây,  
Khiến mọi loài chúng sanh,  
Được sống trong an ổn.  
Nếu không nói dối trá,  
Nếu không hại chúng sanh,  
Không lấy của không cho,  
Có lòng tin, không tham,  
Đi Gāyā làm gì,  
Gayā một giếng nước?*

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Nay con quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tăng. Mong con được xuất gia với Tôn giả Gotama! Mong con được thọ đại giới!

Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới. Trong thời gian ngắn sau khi thọ đại giới, Tôn giả Bhāradvāja sống độc cư, không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần và không bao lâu sau khi tự thân chứng ngộ với thượng trí, chứng đắc và an trú ngay trong hiện tại, vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà vì mục đích này các Thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy đã thắng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Như vậy, Tôn giả Bharadvāja trở thành một vị A-la-hán nữa.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu  
Phân đoạn & chú thích: Tỳ Kheo Giác Đăng*

-ooOoo-

Kinh số 7 [tóm tắt]  
**Kinh Ví Dụ Tấm Vải**  
**(Vatthūpama Sutta)**  
(M.i, 36)

Thế Tôn nói một tấm vải cấu ứ, nếu đem nhuộm thời không ăn nhuộm, nhuộm không tốt đẹp vì tấm vải không trong sạch; cũng vậy, cõi ác chờ đợi một tâm cấu ứ. Một tấm vải không cấu ứ, nếu đem nhuộm, thời ăn nhuộm, nhuộm được tốt đẹp, vì tấm vải trong sạch; cũng vậy, cõi Trời chờ đợi tâm không cấu ứ. Cấu ứ của tâm là mười sáu ác pháp (xem kinh số 3, *Trung Bộ Kinh*). Biết được mười sáu ác pháp này là cấu ứ, vị Tỳ-kheo đoạn trừ được các cấu ứ, thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với ba ngôi báu. Đến giai đoạn này tức là chứng được Bất lai, vị ấy có sự từ bỏ, giải thoát nghĩ rằng “Do ta thành tựu lòng tin tuyệt đối, đối với ba ngôi báu chứng được nghĩa tín thọ (*atthavedam*), pháp tín thọ (*dhammavedam*), chứng được hân hoan liên hệ đến pháp, từ hân hoan hỷ sanh, từ hỷ thân được khinh an, từ thân khinh an cảm giác được lạc thọ”. Với lạc thọ tâm được thiên định. Vị có giới như vậy, pháp như

vậy, tuệ như vậy, dù có ăn đồ ăn ngon lành cũng không vì vậy trở thành một pháp chướng ngại.

Rồi vị ấy an trú bốn vô lượng tâm: Từ, bi, hỷ, xả. Vị ấy quán tri (*pajānāti*): có cái này (quả A-la-hán), có các hạ liệt (khổ và tập), có các thù thắng (con đường đoạn trừ đau khổ), có sự xuất ly tối thượng vượt qua các tướng. Do vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Với tâm đã giải thoát, vị ấy biết “Tâm ta đã giải thoát”, vị ấy chứng quả A-la-hán, và được gọi là Tỷ-kheo đã được tắm rửa với sự tắm rửa nội tâm.

Khi ấy Bà-la-môn Sundarikabhāradvāja mời Thế Tôn đi tắm ở sông Bāhukā vì sông này được xem là có khả năng giải thoát, được nhiều công đức, gột sạch được ác nghiệp.

Thế Tôn nói lên bài kệ để giải thích rằng các con sông không có khả năng gột sạch tội lỗi của người làm ác. Kẻ thanh tịnh trong sạch thời ngày nào cũng tốt lành, vì người ấy chỉ làm các nghiệp trong sạch và chỉ nên tắm ở đây thôi. Một người không dối trá, không làm hại chúng sanh, không lấy của không cho, không tham, có lòng tin thời đi tắm sông làm gì. Sau khi nghe vậy, Bà-la-môn Sundarikabhāradvāja xin quy y ba ngôi báu, xin xuất gia, thọ đại giới và không bao lâu trở thành vị A-la-hán.

Trong kinh này, chúng ta nhận thấy con đường chứng quả A-la-hán có sai khác với con đường giới định tuệ thông thường. Ở đây vị Tỷ-kheo phải biết mười sáu ác pháp là cầu uế, đoạn trừ chúng, biết được chúng đã đoạn trừ, nên thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với ba ngôi báu. Đến giai đoạn này, vị ấy chứng được quả Bất lai, nếu có sự từ bỏ, có sự đoạn trừ, có sự xả ly. Vị ấy nghĩ, vị ấy đã có lòng tin tuyệt đối đối với ba ngôi báu, nên chứng được nghĩa tín thọ, pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến pháp, từ hân hoan hỷ sanh, từ hỷ thân được khinh an, từ thân khinh an cảm giác được lạc thọ, với lạc thọ, tâm được thiên định. Với giới như vậy, pháp như vậy, tuệ như vậy, vị ấy tu tập bốn vô lượng tâm. Rồi vị ấy biết: Có cái này (quả A-la-hán), có cái hạ liệt (khổ đế, tập đế), có cái thù thắng (con đường đưa đến diệt đế), có sự vượt qua các tướng (về bốn vô lượng tâm), đây chỉ cho Niết-bàn tức là diệt đế. Vị ấy nhờ biết vậy, thấy vậy, nên tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, chứng quả A-la-hán. Như vậy được gọi là vị Tỷ-kheo đã tắm rửa với sự tắm nội tâm.

*Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu*

-ooOoo-

**Kinh số 7 [tóm tắt]  
Kinh Ví Dụ Tắm Rửa**



# (Vatthūpama Sutta)

(M.i, 36)

## A. Duyên khởi:

Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và thuyết giảng.

## B. Chánh kinh:

I. Cõi ác chờ đợi tâm cấu uế, như tấm vải nhơ, được màu nhuộm không tốt đẹp. Cõi lành chờ đợi tâm không cấu uế, như tấm vải sạch được màu nhuộm tốt đẹp.

II. Quá trình hiểu biết cấu uế đưa đến giải thoát giác ngộ.

1. Biết được các cấu uế và đoạn trừ được cấu uế.

2. Lòng tin bất động đối với 3 ngôi báu.

3. Chứng được nghĩa tín thọ, pháp tín thọ và hướng đến thiên định.

4. Tu 4 vô lượng tâm.

5. Tu tuệ chứng quả A-la-hán.

III. Thế Tôn đọc lên bài kệ để trả lời Bà-la-môn Sundarika.

## C. Kết luận:

Nghe xong bài kệ, Bà-la-môn Sundarika tán thán 3 ngôi báu, xin quy y và xin xuất gia, cuối cùng chứng quả.

*Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu*

-ooOoo-

# Kinh Ví Dụ Tấm Vải (Vatthūpama Sutta) (M.i, 36)

## I. Toát yếu

### *Vatthūpama Sutta - The simile of the cloth.*

*With a simple simile the Buddha illustrates the difference between a defiled mind and a pure mind.*

*Bằng một ví dụ đơn giản, Phật nói rõ sự khác nhau giữa một tâm ô nhiễm và một tâm thanh tịnh.*

## II. Tóm tắt

Cõi xấu ác chờ đợi một tâm ô nhiễm, như một tấm vải dơ đem nhuộm sẽ có màu loang lổ không đẹp. Ngược lại, cõi tốt lành chờ đợi một tâm không ô nhiễm, ví như tấm vải sạch khi nhuộm sẽ có màu đẹp đẽ.

*Những cấu uế của tâm là:*

- tham, sân, phần, hận,
- hư ngụy, não hại, tật đố, xan tham,
- man trá, khi cuồng, ngoan cố, cấp tháo,
- mạn, quá mạn, kiêu, phóng dật.

Tỳ kheo nào biết được những cấu uế của tâm để diệt trừ, vị ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối nơi Phật, Pháp, thánh chúng. Nơi vị ấy có sự từ bỏ, diệt trừ, giải thoát, xả ly, chứng được nghĩa tín thọ, pháp tín thọ, được sự hân hoan liên hệ đến Pháp. Do hân hoan, có hỷ, do hỷ có khinh an, do khinh an có lạc, do lạc có định. Một vị tỳ kheo có giới như vậy, pháp như vậy, tuệ như vậy, thì dù ăn gạo thom và các thực phẩm ngon lành cũng không vì vậy mà bị chướng ngại (vì đã dứt lòng tham vị ngon). Vị ấy có thể tu tập các phạm trú từ bi hỷ xả, tu các thiền định, đạt đến tâm giải thoát tuệ giải thoát của bậc A-la-hán. Tỳ kheo ấy được gọi là đã tắm rửa với sự tắm rửa nội tâm.

Phật nói câu sau cùng là cốt nhắm đến bà-la-môn Sundarikabhāradvāja ngồi cách Ngài không xa. Quả nhiên ông ta liên tưởng đến nghi lễ tắm sông để tẩy tội trong tín ngưỡng của mình, và hỏi Phật có tắm sông Bāhukā không, vì sông này đem lại nhiều công đức. Khi ấy Phật nói lên một bài kệ đại ý rằng, không có sông nào rửa sạch được quả báo nơi kẻ đã tạo ác nghiệp, đã gây tội lỗi; tắm để rửa tội là một tục lệ mê tín. Đối với người sống thanh tịnh thì ngày nào cũng tốt lành; vậy chỉ nên tắm trong tịnh nghiệp mới được sống an vui. Bà-la-môn sau khi nghe kinh này, xin được xuất gia với Phật, và không bao lâu ông chứng thánh quả, thành một bậc A-la-hán.

### III. Chú giải

*Theo bản Anh, 16 câu uế là:*

1. *Covetousness and unrightous greed;*

2. *ill will;*

3. *anger;*

4. *Revenge;*

5. *contempt;*

6. *domineering attitude;*

7. *envy;*

8. *avarice;*

9. *deceit;*

10. *fraude;*

11. *obstinacy;*

12. *presumption;*

13. *conceit;*

14. *arrogance;*

15. *vanity*;

16. *negligence*

- tham dục bất chính, ác ý, sân, hận, khinh miệt, thông trị, ngoan cố, tư phụ, kiêu căng, hợm hĩnh, khoe khoang, lơ đễnh.

Sớ giải nói 16 câu uế trên được từ bỏ tuần tự như sau:

- Dự lưu đạo từ bỏ các câu uế từ 5 - 10;

- Bất hoàn đạo từ bỏ thêm các câu uế 2, 3, 4 và 16. - A-la-hán đạo từ bỏ nốt sáu câu uế còn lại.

#### **IV. Pháp số**

*Ba lậu*: dục, hữu, vô minh.

*Ba ngôi báu*: Phật, Pháp, Tăng.

*Bốn đôi tám vị*: bốn quả sa môn và bốn đạo: Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán.

*Bốn phạm trú hay vô lượng tâm*: Tà, bi, hỷ, xả.

#### **V. Kệ tụng**

1. Như vải dơ đem nhuộm  
Sẽ có màu không đẹp  
Cũng vậy cõi ác dữ  
Chờ đợi tâm cầu uế  
Như vải sạch đem nhuộm  
Sẽ có màu thuần tịnh  
Cũng vậy cõi tốt lành  
Chờ đợi tâm hiền thiện.

2. Mười sáu câu uế tâm  
Cần biết để tẩy trừ:  
Tà tham và giận dữ  
Phẫn uất và hiềm hận,

hư ngụy và não hại,  
tật đố và xan tham  
man trá và khi cuống,  
ngoan cố và cấp tháo  
ngã mạn và thượng mạn  
kiêu căng và phóng dật.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu  
Tóm tắt & chú giải: Thích Nữ Trí Hải*

-ooOoo-

## 7. Vatthasuttaṃ [Mūla]

70. Evaṃ me suttaṃ : ekaṃ samayaṃ **Bhagavā** sāvattthiyaṃ viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tatra kho **Bhagavā** bhikkhū āmantesi : "bhikkhavoti. "Bhadanteti te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca : "seyyathāpi, bhikkhave, vatthaṃ saṃkiliṭṭhaṃ malaggahitaṃ tamenam rajako yasmim yasmim raṅgajāte upasaṃhareyya : yadi nīlakāya yadi pītakāya yadi lohitaḥkāya yadi mañjīṭṭhakāya [mañjeṭṭhakāya (sī. pī.), mañjeṭṭhikāya (syā.)] durattavaṇṇamevassa aparisuddhavaṇṇamevassa. Taṃ kissa hetu? aparisuddhattā, bhikkhave, vatthassa. Evameva kho, bhikkhave, citte saṃkiliṭṭhe, duggati pāṭikaṅkhā. Seyyathāpi, bhikkhave, vatthaṃ parisuddhaṃ pariyodātaṃ tamenam rajako yasmim yasmim raṅgajāte upasaṃhareyya : yadi nīlakāya yadi pītakāya yadi lohitaḥkāya yadi mañjīṭṭhakāya : surattavaṇṇamevassa parisuddhavaṇṇamevassa. Taṃ kissa hetu? parisuddhattā, bhikkhave, vatthassa. Evameva kho, bhikkhave, citte asaṃkiliṭṭhe, sugati pāṭikaṅkhā.

71. "Katame ca, bhikkhave, cittassa upakkilesā? abhijjhāvisamalobho cittassa upakkilesa, byāpādo cittassa upakkilesa, kodho cittassa upakkilesa, upanāho cittassa upakkilesa, makkho cittassa upakkilesa, paḷāso cittassa upakkilesa, issā cittassa upakkilesa, macchariyaṃ cittassa upakkilesa, māyā cittassa upakkilesa, sāṭṭheyyaṃ cittassa upakkilesa, thambho cittassa upakkilesa, sārāmbho cittassa upakkilesa, māno cittassa upakkilesa, atimāno cittassa upakkilesa, mado cittassa upakkilesa, pamādo cittassa upakkilesa.

72. "Sa kho so, bhikkhave, bhikkhu 'abhijjhāvisamalobho cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā abhijjhāvisamalobhaṃ cittaṣṣa upakkilesaṃ pajahati 'byāpādo cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā byāpādaṃ cittaṣṣa upakkilesaṃ pajahati 'kodho cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā kodhaṃ cittaṣṣa upakkilesaṃ pajahati 'upanāho cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā upanāhaṃ cittaṣṣa upakkilesaṃ pajahati 'makkho cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā makkhaṃ cittaṣṣa upakkilesaṃ pajahati 'paḷāso cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā paḷāsaṃ cittaṣṣa upakkilesaṃ pajahati 'issā cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā issaṃ cittaṣṣa upakkilesaṃ pajahati 'macchariyaṃ cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā macchariyaṃ cittaṣṣa upakkilesaṃ pajahati 'māyā cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā māyaṃ cittaṣṣa upakkilesaṃ pajahati 'sāṭheyyaṃ cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā sāṭheyyaṃ cittaṣṣa upakkilesaṃ pajahati 'thambho cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā thambhaṃ cittaṣṣa upakkilesaṃ pajahati 'sārambho cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā sārambhaṃ cittaṣṣa upakkilesaṃ pajahati 'māno cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā mānaṃ cittaṣṣa upakkilesaṃ pajahati 'atimāno cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā atimānaṃ cittaṣṣa upakkilesaṃ pajahati 'mado cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā madaṃ cittaṣṣa upakkilesaṃ pajahati 'pamādo cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā pamādaṃ cittaṣṣa upakkilesaṃ pajahati.

73. "Yato kho [yato ca kho (sī. syā.)], bhikkhave, bhikkhuno 'abhijjhāvisamalobho cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā abhijjhāvisamalobho cittaṣṣa upakkilesaṃ pahīno hoti, 'byāpādo cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā byāpādo cittaṣṣa upakkilesaṃ pahīno hoti 'kodho cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā kodho cittaṣṣa upakkilesaṃ pahīno hoti 'upanāho cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā upanāho cittaṣṣa upakkilesaṃ pahīno hoti 'makkho cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā makkho cittaṣṣa upakkilesaṃ pahīno hoti 'paḷāso cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā paḷāso cittaṣṣa upakkilesaṃ pahīno hoti 'issā cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā issā cittaṣṣa upakkilesaṃ pahīno hoti 'macchariyaṃ cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā macchariyaṃ cittaṣṣa upakkilesaṃ pahīno hoti 'māyā cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā māyā cittaṣṣa upakkilesaṃ pahīno hoti 'sāṭheyyaṃ cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā sāṭheyyaṃ cittaṣṣa upakkilesaṃ pahīno hoti 'thambho cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā thambho cittaṣṣa upakkilesaṃ pahīno hoti 'sārambho cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā sārambho cittaṣṣa upakkilesaṃ pahīno hoti 'māno cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā māno cittaṣṣa upakkilesaṃ pahīno hoti 'atimāno cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā atimāno cittaṣṣa upakkilesaṃ pahīno hoti 'mado cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā mado cittaṣṣa upakkilesaṃ pahīno hoti 'pamādo cittaṣṣa upakkilesoti : iti veditvā pamādo cittaṣṣa upakkilesaṃ pahīno hoti.

74. "So buddhe aveccappasādena samannāgato hoti : 'itipi so **Bhagavā** arahaṃ sammāsambuddho vijjācaraṇasampanno sugato lokavidū anuttaro purisadammasārathi satthā devamanussānaṃ buddho **Bhagavāti** dhamme

aveccappasādena samannāgato hoti : 'svākkhāto bhagavatā dhammo sandiṭṭhiko akāliko ehipassiko opaneyyiko paccattaṃ veditaḅbo viññūhīti saṅghe aveccappasādena samannāgato hoti : 'suppaṭipanno bhagavato sāvakaṣaṅgho, ujuppaṭipanno bhagavato sāvakaṣaṅgho, ñāyappaṭipanno bhagavato sāvakaṣaṅgho, sāmīcippaṭipanno bhagavato sāvakaṣaṅgho, yadidaṃ cattāri purisaṃyugāni, aṭṭha purisaṃpuggalā. Esa bhagavato sāvakaṣaṅgho āhuneṃyo pāhuneṃyo dakkhiṇeṃyo añjalikaraṇīyo, anuttaraṃ puññaṃkhettaṃ lokassaṭi.

**75.** "Yathodhi [yatodhi (aṭṭhakathāyaṃ pāṭhantaram)] kho paṇassa cattaṃ hoti vantaṃ muttaṃ paḥīnaṃ paṭinissaṭṭhaṃ, so 'buddhe aveccappasādena samannāgatomaḥīti labhati atthavedaṃ, labhati dhammavedaṃ, labhati dhammūpasamḥitaṃ pāmojjaṃ. Pamuditassa pīti jāyati, pīṭimaṇassa kāyo passaṃbhati, passaḍḍhakāyo sukhaṃ vedeti, sukhino cittaṃ samāḍhiyati 'dhamme - pe - saṅghe aveccappasādena samannāgatomaḥīti labhati atthavedaṃ, labhati dhammavedaṃ, labhati dhammūpasamḥitaṃ pāmojjaṃ pamuditassa pīti jāyati, pīṭimaṇassa kāyo passaṃbhati, passaḍḍhakāyo sukhaṃ vedeti, sukhino cittaṃ samāḍhiyati. 'Yathodhi kho paṇa me cattaṃ vantaṃ muttaṃ paḥīnaṃ paṭinissaṭṭhanti labhati atthavedaṃ, labhati dhammavedaṃ, labhati dhammūpasamḥitaṃ pāmojjaṃ pamuditassa pīti jāyati, pīṭimaṇassa kāyo passaṃbhati, passaḍḍhakāyo sukhaṃ vedeti, sukhino cittaṃ samāḍhiyati.

**76.** "Sa kho so, bhikkhave, bhikkhu evaṃsīlo evaṃdhammo evaṃpaṇño sālīnaṃ cepi piṇḍapātaṃ bhuñjati vicitakāḷakaṃ anekasūpaṃ anekabyañjanaṃ, nevassa taṃ hoti antarāyāya. Seyyathāpi, bhikkhave, vatthaṃ saṃkiliṭṭhaṃ malaggahitaṃ acchodakaṃ āgamma paṇisuddhaṃ hoti paṇiyodātaṃ, ukkāṃmukhaṃ vā paṇāgamma jātarūpaṃ paṇisuddhaṃ hoti paṇiyodātaṃ, evameva kho, bhikkhave, bhikkhu evaṃsīlo evaṃdhammo evaṃpaṇño sālīnaṃ cepi piṇḍapātaṃ bhuñjati vicitakāḷakaṃ anekasūpaṃ anekabyañjanaṃ , nevassa taṃ hoti antarāyāya.

**77.** "So mettāsahagatena cetasaṃ ekaṃ disaṃ pharivā viharati, tathā dutiyaṃ, tathā tatiyaṃ, tathā catutthaṃ [catutthiṃ (sī. pī.)]. Iti uddhamadho tiriyaṃ sabbadhi sabbattatāya sabbāvantaṃ lokaṃ mettāsahagatena cetasaṃ vipulena mahaggatena appamaṇena averena abyāpajjena pharivā viharati karuṇāsahagatena cetasaṃ - pe - muditāsahagatena cetasaṃ - pe - upekkhāsahagatena cetasaṃ ekaṃ disaṃ pharivā viharati, tathā dutiyaṃ, tathā tatiyaṃ, tathā catutthaṃ. Iti uddhamadho tiriyaṃ sabbadhi sabbattatāya sabbāvantaṃ lokaṃ upekkhāsahagatena cetasaṃ vipulena mahaggatena appamaṇena averena abyāpajjena pharivā viharati.

**78.** "So 'atthi idaṃ, atthi hīnaṃ, atthi paṇītaṃ, atthi imassa saṇṇāgatassa uttariṃ nissaraṇanti pajānāti. Tassa evaṃ jānato evaṃ passato kāṃāsavāpi cittaṃ vimuccati,

bhavāsavāpi cittaṃ vimuccati, avijjāsavāpi cittaṃ vimuccati. Vimuttasmim vimuttamiti ñāṇaṃ hoti. 'Khīṇā jāti, vusitaṃ brahmacariyaṃ, kataṃ karaṇīyaṃ, nāparaṃ itthattāyāti pajānāti . Ayaṃ vuccati, bhikkhave : 'bhikkhu sināto antarena sinānenāti.

79. Tena kho pana samayena sundarikabhāradvājo brāhmaṇo bhagavato avidūre nisinno hoti. Atha kho sundarikabhāradvājo brāhmaṇo bhagavantaṃ etadavoca : "gacchati pana bhavaṃ gotamo bāhukaṃ nadiṃ sināyitunti? "kiṃ, brāhmaṇa, bāhukāya nadiyā? kiṃ bāhukā nadī karissatīti? "lokkhasammataṃ [lokhyasammataṃ (sī.), mokkhasammataṃ (pī.)] hi, bho gotama, bāhukā nadī bahujanassa, puññasammataṃ hi, bho gotama, bāhukā nadī bahujanassa, bāhukāya pana nadiyā bahujano pāpakammaṃ kataṃ pavāhetīti. Atha kho **Bhagavā** sundarikabhāradvājaṃ brāhmaṇaṃ gāthāhi ajjhabhāsi :

"Bāhukaṃ adhikakkaṅca, gayāṃ sundarikaṃ mapi [sundarikāmapī (sī. syā. pī.), sundarikaṃ mahiṃ (itipi)].

Sarassatiṃ payāgaṅca, atho bāhumatiṃ nadiṃ.

Niccampi bālo pakkhando [pakkhanno (sī. syā. pī.)], kaṇhakamma na sujjhati..

"Kiṃ sundarikā karissati, kiṃ payāgā [payāgo (sī. syā. pī.)] kiṃ bāhukā nadī.

Veriṃ katakibbisam naram, na hi nam sodhaye pāpakammaṃ..

"Suddhassa ve sadā phaggu, suddhassuposatho sadā.

Suddhassa sucikamma, sadā sampajjate vatam.

Idheva sināhi brāhmaṇa, sabbabhūtesu karohi khemataṃ..

"Sace musā na bhaṅasi, sace pāṇam na hiṃsasi.

Sace adinnaṃ nādiyasi, saddahāno amaccharī.

Kiṃ kāhasi gayāṃ gantvā, udapānopi te gayāti..

80. Evaṃ vutte, sundarikabhāradvājo brāhmaṇo bhagavantaṃ etadavoca : "abhikkantaṃ, bho gotama, abhikkantaṃ, bho gotama! seyyathāpi, bho gotama, nikkujjitaṃ vā ukkujjeyya, paṭicchannaṃ vā vivareyya, mūlhasa vā maggaṃ ācikkheyya, andhakāre vā telapajjotaṃ dhāreyya : cakkhumanto rūpāni dakkhantīti evamevaṃ bhotā gotamena anekapariyāyena dhammo pakāsito. Esāhaṃ bhavantaṃ gotamaṃ saraṇaṃ gacchāmi dhammaṅca bhikkhusaṅghaṅca. Labheyyāhaṃ bhoto gotamassa santike pabbajjam, labheyyaṃ upasampadanti. Alatta kho sundarikabhāradvājo brāhmaṇo bhagavato santike pabbajjam, alatta upasampadam. Acirūpasampanno kho panāyasmā bhāradvājo eko vūpakattho appamatto ātāpī pahitatto viharanto nacirasseva : yassatthāya kulaputtā sammadeva agārasmā anagāriyaṃ pabbajanti tadanuttaraṃ : brahmacariyapariyosānaṃ



diṭṭhevadhamme sayam abhiññā sacchikatvā upasampajja vihāsi. "Khīṇā jāti, vusitaṃ brahmacariyaṃ, kataṃ karaṇīyaṃ, nāparaṃ itthattāyāti abbhaññāsi. Aññataro kho paṇāyasmā bhāradvājo arahataṃ ahoṣīti.

Vatthasuttaṃ niṭṭhitaṃ sattamaṃ.

## 7. Vatthasuttavaṇṇanā [Atthakathā]

**70. Evaṃ me sutanti** vatthasuttaṃ. Tattha **seyyathāpi, bhikkhave, vatthanti** upamāvacanamevetam. Upamaṃ karonto ca bhagavā katthaci paṭhamameva upamaṃ dassetvā pacchā atthaṃ dasseti, katthaci paṭhamamatthaṃ dassetvā pacchā upamaṃ, katthaci upamāya atthaṃ parivāretvā dasseti, katthaci atthena upamaṃ.

Tathā hesa – “seyyathāpissu, bhikkhave, dve agārā sadvārā, tattha cakkhumā puriso majjhe ṭhito passeyyā”ti (ma. ni. 3.261) sakalampi devadūtasuttaṃ upamaṃ paṭhamam dassetvā pacchā atthaṃ dassento āha. “Tirokuṭṭam tiropākāram tiropabbataṃ asajjamāno gacchati, seyyathāpi ākāse”tiādinā (dī. ni. 1.238; paṭi. ma. 1.102) pana nayena sakalampi iddhividhamatthaṃ paṭhamam dassetvā pacchā upamaṃ dassento āha. “Seyyathāpi brāhmaṇapuriso sārattiko sārāgavesī”tiādināva (ma. ni. 1.318) nayena sakalampi cūlasāropamasuttaṃ upamāya atthaṃ parivāretvā dassento āha. “Idha pana, bhikkhave, ekacce kulaputtā dhammaṃ pariyāpuṇanti suttaṃ...pe... seyyathāpi, bhikkhave, puriso alagaddatthiko”tiādinā (ma. ni. 1.238) nayena sakalampi alagaddasuttaṃ mahāsāropamasuttanti evamādīni suttāni atthena upamaṃ parivāretvā dassento āha.

Svāyaṃ idha paṭhamam upamaṃ dassetvā pacchā atthaṃ dasseti. Kasmā panevaṃ bhagavā dassetīti? Puggalajjhāsayena vā desanāvilāsena vā. Ye hi puggalā paṭhamam upamaṃ dassetvā vuccamānamatthaṃ sukhena paṭivijjhanti, tesam paṭhamam upamaṃ dasseti. Esa nayo sabbattha. Yassā ca dhammadhātuyā suppaṭividdhattā desanāvilāsaṃ patto hoti, tassā suppaṭividdhā. Tasmā esa desanāvilāsampatto dhammissaro dhammarājā, so yathā yathā icchati, tathā tathā

dhammaṃ desetīti evaṃ iminā puggalajjhāsayena vā desanāvilāsenā vā evaṃ dassetīti vedītabbo.

Tattha **vatthanti** pakati-parisuddhaṃ vatthaṃ. **Samkiliṭṭhaṃ malaggahitanti** āgantukena paṃsurajādinā saṃkilesena saṃkiliṭṭhaṃ, sedajallikādinā malena gahitattā malaggahitaṃ. **Raṅgajātetī** ettha raṅgameva raṅgajātaṃ. **Upasaṃhareyyāti** upanāmeyya. **Yadi nīlakāyāti** nīlakāya vā, nīlakatthāya vāti vuttaṃ hoti. Evaṃ sabbattha. Rajako hi nīlakatthāya upasaṃharanto kaṃsanīlapalāsanīlādike nīlaraṅge upasaṃharati. Pītakatthāya upasaṃharanto kaṇikārapupphasadise pītakaraṅge. Lohitakatthāya upasaṃharanto bandhujīvaka-pupphasadise lohitakaraṅge. Mañjiṭṭhakatthāya upasaṃharanto kaṇavīrapupphasadise mandarattaraṅge. Tena vuttaṃ “yadi nīlakāya...pe... yadi mañjiṭṭhakāyā”ti.

**Durattavaṇṇamevassāti** duṭṭhu rañjītavaṇṇameva assa. **Aparisuddhavaṇṇamevassāti** nīlavaṇṇopissa parisuddho na bhavēyya, sesavaṇṇopi. Tādisañhi vatthaṃ nīlakumbhiyā pakkhittampi sunīlaṃ na hoti, sesakumbhīsu pakkhittampi pītakādivaṇṇaṃ na hoti, milātanīla kuraṇḍa-kaṇikāra-bandhujīvaka-kaṇavīrapupphavaṇṇameva hoti. **Taṃ kissa hetūti** taṃ vatthaṃ kissa hetu kiṃ kāraṇā īdisaṃ hoti, tasmīṃ vā vatthe raṅgajātaṃ kissa hetu īdisaṃ durattavaṇṇaṃ aparisuddhavaṇṇaṃ hotīti? Yasmā paṇassa vatthassa saṃkiliṭṭhabhāvōyevettha kāraṇaṃ, na aññaṃ kiñci, tasmā “aparīsuddhattā, bhikkhave, vatthassā”ti āha.

**Evameva khoti** upamāsaṃpaṭipādanaṃ. **Citte saṃkiliṭṭheti** cittaṃhi saṃkiliṭṭhaṃhi. Kasmā pana bhagavā saṃkiliṭṭhavatthena opammaṃ akāsīti ce, vāyāmaṃhapphaladassanattaṃ. Yathā hi āgantukehi malehi saṃkiliṭṭhaṃ vatthaṃ pakatiyā paṇḍarattā puna dhovīyamānaṃ paṇḍaraṃ hoti, na tattha jātikālake viya eḷakalome vāyāmo nipphalo hoti, evaṃ cittaṃhi āgantukehi kilesehi saṃkiliṭṭhaṃ. Pakatiyā pana taṃ sakalepi paṭisaṃdhibhavaṅgavāre paṇḍarameva. Yathāha – “pabhassaramidaṃ, bhikkhave, cittaṃ, tañca kho āgantukehi upakkilesehi upakkiliṭṭha”nti (a. ni. 1.51). Taṃ visodhīyamānaṃ sakkā pabhassarataṃ kātuṃ, na tattha vāyāmo nipphaloti evaṃ vāyāmaṃhapphaladassanattaṃ saṃkiliṭṭhavatthena opammaṃ akāsīti vedītabbo.

**Duggati pāṭikaṅkhāti** īdise citte duggati pāṭikaṅkhitabbā, duggatiṃ eva esa pāpuṇissati, nāññanti evaṃ duggati icchitabbā, avassaṃ bhāvīti vuttaṃ hoti. Sā cāyaṃ duggati nāma paṭipattiduggati, gatiduggatīti duvidhā hoti. Paṭipattiduggatipi agāriyapaṭipattiduggati, anagāriyapaṭipattiduggatīti duvidhā hoti.

Agāriyo hi saṃkiliṭṭhacitto pāṇampi hanati, adinnampi ādiyati, sakalepi dasa akusalakammapathe pūreti, ayamassa **agāriyapaṭipattiduggati**. So tattha ṭhito kāyassa bhedaṃ nirayampi gacchati, tiracchānayanimpi, pettivisayampi gacchati, ayamassa **gatiiduggati**.

Anagāriyopi imasmim sāsane pabbajito saṃkiliṭṭhacitto dūteyyapahinagamanam gacchati, vejjakammam karoti, saṅghabhedāya cetiyabhedāya parakkamati, veḷudānādīhi jīvikam kappeti, sakalampi anācāram agocaraṇca paripūreti, ayamassa **anagāriyapaṭipattiduggati**. So tattha ṭhito kāyassa bhedaṃ nirayampi gacchati, tiracchānayanimpi, pettivisayampi gacchati samaṇayakkho nāma hoti samaṇapeto, ādittehi saṅghāṭīādīhi sampajjalitakāyo aṭṭassaram karonto vicarati, ayamassa **gatiiduggati**.

**Seyyathāpīti** sukkapakkham dassetumāraddho, tassattho kaṇhapakkhe vuttapaccanīkeneva veditabbo. Etthāpi ca sugati nāma paṭipattisugati gatisugatīti duvidhā hoti. Paṭipattisugatipi agāriyapaṭipattisugati anagāriyapaṭipattisugatīti duvidhā hoti. Agāriyo hi parisuddhacitto pāṇātipātāpi viramati, adinnādānāpi, sakalepi dasa kusalakammapathe paripūreti, ayamassa **agāriyapaṭipattisugati**. So tattha ṭhito kāyassa bhedaṃ manussamahantatampi devamahantatampi upapajjati, ayamassa **gatisugati**.

Anagāriyopi imasmim sāsane pabbajitvā parisuddhacitto catupārisuddhisīlam sodheti, terasa dhutaṅgāni samādiyati, aṭṭhatimsārammaṇesu attano anukūlakammaṭṭhānam gahetvā pantasenāsane paṭisevamāno kasiṇaparikkammam katvā jhānasamāpattiyo nibbatteti, sotāpattimaggaṃ bhāveti...pe... anāgāmiṃmaggaṃ bhāveti, ayamassa **anagāriyapaṭipattisugati**. So tattha ṭhito kāyassa bhedaṃ manussaloke vā tīsu mahākulesu, chasu vā kāmāvacaradevesu, dasasu vā brahmabhavanesu, pañcasu vā suddhāvāsesu, catūsu vā āruppesu upapajjati, ayamassa **gatisugatīti**.

**71.** Evaṃ saṃkiliṭṭhe citte duggati pāṭikaṅkhā, asaṃkiliṭṭhe ca sugatīti vatvā idāni yehi upakkilesehi cittaṃ saṃkiliṭṭham hoti, te dassento **katame ca, bhikkhave, cittassa upakkilesā? Abhijjhā visamalobhotiādīmāha.**

Tattha sakabhaṇḍe chandarāgo **abhijjhā**, parabhaṇḍe **visamalobho**. Atha vā sakabhaṇḍe vā parabhaṇḍe vā hotu, yuttapattatṭhāne chandarāgo abhijjhā, ayuttāpattatṭhāne visamalobho. Thero panāha ‘‘kissa vinibbhogaṃ karotha, yutte vā ayutte vā hotu, ‘rāgo visamaṃ doso visamaṃ moho visama’nti (vibha. 924) vacanato na koci lobho avisamo nāma, tasmā lobhoyeva abhijjhāyanatṭhena abhijjhā, visamatṭhena visamaṃ, ekatthametam byañjanameva nāna’nti. So panesa

abhijjhāvisamalobho uppajjitvā cittaṃ dūseti, obhāsituṃ na deti. Tasmā “cittassa upakkilesa”ti vuccati.

Yathā cesa, evaṃ navavidhaāghātavattusambhavo **byāpādo**. Dasavidhaāghātavattusambhavo **kodho**. Punappunam citta-pariyonandhano **upanāho**. Agāriyassa vā anagāriyassa vā sukata-karaṇavināsano **makkho**. Agāriyopi hi kenaci anukampakena daliddo samāno ucce ṭhāne ṭhapito, aparena samayena “kiṃ tayā mayhaṃ kata”nti tassa sukata-karaṇam vināseti. Anagāriyopi sāmaṇerakālato pabhuti ācariyena vā upajjhāyena vā catūhi paccayehi uddesaparipucchāhi ca anuggahetvā dhammakathānaya-pakaraṇakosallādīni sikkhāpito, aparena samayena rājarājamahāmattādīhi sakkato garukato ācariyupajjhāyesu acittikato caramāno “ayaṃ amhehi daharakāle evaṃ anuggahito samvaḍḍhito ca, atha panidāni nissineho jāto”ti vuccamāno “kiṃ mayhaṃ tumhehi kata”nti tesam sukata-karaṇam vināseti, tassa so sukata-karaṇavināsano makkho uppajjitvā cittaṃ dūseti, obhāsituṃ na deti. Tasmā “cittassa upakkilesa”ti vuccati.

Yathā cāyaṃ, evaṃ bahussute-pi puggale ajjhottharivā “īdisassa ceva bahussutassa aniyatā gati, tava vā mama vā ko viseso”tiādīnā nayena uppajjamāno yugaggāhagāhī **paḷāso**. Paresam sakkārādīni khīyanā **issā**. Attano sampattiyā parehi sādhanābhāvaṃ asahamānaṃ **macchariyaṃ**. Vañcanikacariyabhūtā **māyā**. Kerāṭikabhāvena uppajjamānaṃ **sātheyyaṃ**. Kerāṭiko hi āyatanamaccho viya hoti. **Āyatanamaccho** nāma kira macchānaṃ naṅguṭṭhaṃ dasseti sappānaṃ sīsaṃ, “tumhehi sadiso aha”nti jānāpetuṃ. Evameva kerāṭiko puggalo yaṃ yaṃ suttantikaṃ vā ābhiddhammikaṃ vā upasaṅkamati, taṃ taṃ evaṃ vadati “ahaṃ tumhākaṃ baddhacaro, tumhe mayhaṃ anukampakā, nāhaṃ tumhe muñcāmī”ti “evamete ‘sagāravo ayaṃ amhesu sappattisso’ti maññissantī”ti. Tassetam kerāṭikabhāvena uppajjamānaṃ sātheyyaṃ uppajjitvā cittaṃ dūseti, obhāsituṃ na deti. Tasmā “cittassa upakkilesa”ti vuccati.

Yathā cetam, evaṃ vātabharitabhastasadisathaddhabhāvapaggahitasiraanivātavuttikāra-karaṇo **thambho**. Taduttarika-ṇo **sārambho**. So duvidhena labbhati akusalavasena ceva kusalavasena ca. Tattha agāriyassa parena kataṃ alaṅkārādīṃ disvā taddiguṇakaraṇena uppajjamāno, anagāriyassa ca yattakaṃ yattakaṃ paro pariyāpuṇāti vā katheti vā, mānavasena taddiguṇataddiguṇakaraṇena uppajjamāno akusalo. Agāriyassa pana paraṃ ekaṃ salākabhattaṃ dentaṃ disvā attanā dve vā tīṇi vā dātukāmatāya uppajjamāno, anagāriyassa ca parena ekanikāye gahite mānaṃ anissāya kevalaṃ taṃ disvā attanā ālasiyaṃ abhibhuyya dve nikāye gahetukāmatāya uppajjamāno kusalo. Idha pana akusalo adhippeto. Ayañhi uppajjitvā cittaṃ dūseti, obhāsituṃ na deti. Tasmā “cittassa upakkilesa”ti vuccati.

Yathā cāyaṃ, evaṃ jātiādīni nissāya cittassa uṇṇativasena pavattamāno **māno**, accuṇṇativasena **atimāno**, madaggahaṇākāro **mado**, kāmaguṇesu cittavossaggavasena uppajjamāno **pamādo** uppajjitvā cittaṃ dūseti, obhāsituṃ na deti. Tasmā “cittassa upakkilesa”ti vuccati.

Kasmā pana bhagavā upakkilesaṃ dassento lobhamādiṃ katvā dassetīti? Tassa paṭhamuppattito. Sabbasattānañhi yattha katthaci upapannānaṃ antamaso suddhāvāsabhūmiyampi sabbapaṭhamam bhavanikantivasena lobho uppajjati, tato attano attano anurūpapaccayaṃ paṭicca yathāsambhavaṃ itare, na ca ete soḷaseva cittassa upakkilesā, etena pana nayena sabbepi kilesā gahitāyeva hontīti veditabbā.

**72.** Ettāvataṃ saṃkilesaṃ dassetvā idāni vodānaṃ dassento **sa kho so, bhikkhavi**tiādīmāha. Tattha **iti veditvā**ti evaṃ jānitvā. **Pajahatī**ti samucchadappahānavasena ariyamaggena pajahati. Tattha kilesapaṭipāṭiyā maggapaṭipāṭiyāti dvidhā pahānaṃ veditabbaṃ. Kilesapaṭipāṭiyā tāva abhijjhāvisamalobho thambho sārambho māno atimāno madoti ime cha kilesā arahattamaggena pahīyanti. Byāpādo kodho upanāho pamādoti ime cattāro kilesā anāgāmimaggena pahīyanti. Makkho paḷāso issā macchariyaṃ māyā sāṭheyanti ime cha sotāpattimaggena pahīyantīti. Maggapaṭipāṭiyā pana, sotāpattimaggena makkho paḷāso issā macchariyaṃ māyā sāṭheyanti ime cha pahīyanti. Anāgāmimaggena byāpādo kodho upanāho pamādoti ime cattāro. Arahattamaggena abhijjhāvisamalobho thambho sārambho māno atimāno madoti ime cha pahīyantīti.

Imasmiṃ pana ṭhāne ime kilesā sotāpattimaggavajjhā vā hontu, sesamaggavajjhā vā, atha kho anāgāmimaggeneva pahānaṃ sandhāya “abhijjhāvisamalobhaṃ cittassa upakkilesaṃ pajahatī”tiādīmāhāti veditabbā. Ayamettha pavenimaggāgato sambhavo, so ca upari catutthamaggasseva niddiṭṭhattā yujjati, tatiyamaggena pahīnāvasesānañhi visamalobhādīnaṃ tena pahānaṃ hoti, sesānaṃ imināva. Yepi hi sotāpattimaggena pahīyanti, tepi taṃsamutṭhāpakacittānaṃ appahīnattā anāgāmimaggeneva suppahīnā hontīti. Keci pana paṭhamamaggena cettha pahānaṃ vaṇṇayanti, taṃ pubbāparena na sandhiyati. Keci vikkhambhanappahānampi, taṃ tesam icchāmattameva.

**73.** **Yato kho, bhikkhavi**ti ettha **yatoti** yamhi kāle. **Pahīno hotī**ti anāgāmimaggakkhaṇe pahānaṃ sandhāyevāha.

**74.** **So buddhe aveccappasādenā**ti etaṃ “yato kho, bhikkhave, abhijjhāvisamalobho pahīno hoti, so buddhe aveccappasādena samannāgato hoti”ti evaṃ ekamekena padena yojetabbaṃ. Imassa hi bhikkhuno anāgāmimaggena

lokuttarappasādo āgato, athassa aparena samayena buddhagūṇe dhammagūṇe saṅghagūṇe ca anussarato lokiyo uppajjati, tamassa sabbampi lokiyalokuttaramissakam pasādam dassento bhagavā “buddhe aveccappasādenā”tiādimāha.

Tattha **aveccappasādenāti** buddhadhammasaṅghagūṇānam yāthāvato ñātattā acalena accutena pasādena. Idāni yathā tassa bhikkhuno anussarato so aveccappasādo uppanno, tam vidhiṃ dassento “itipi so bhagavā”tiādinā nayena tīṇi anussatiṭṭhānāni vitthāresi. Tesam atthavaṇṇanā sabbākārena **visuddhimagge** anussatikathāyaṃ vuttā.

75. Evamassa lokiyalokuttaramissakam pasādam dassetvā idāni kilesappahānam aveccappasādasamannāgatañca paccavekkhato uppajjamānam somanassādiānisamsam dassento **yathodhi kho panassātiādimāha**. Anāgāmissa hi paccante vuṭṭhitam corupaddavam vūpasametvā tam paccavekkhato mahānagare vasantassa rañño viya ime cime ca mama kilesā pahīnāti attano kilesappahānam paccavekkhato balavasomanassam uppajjati. Tam dassento bhagavā “yathodhi kho panassā”tiādimāha.

Tassattho – yvāyaṃ anāgāmī bhikkhu evaṃ “buddhe aveccappasādena samannāgato hoti...pe... dhamme...pe... saṅghe...pe... anuttaram puññakkhettam lokassā”ti, tassa yathodhi kho cattam hoti paṇinissatṭham, sakasakaodhivasena cattameva hoti, tam tam kilesajātam vantam muttam pahīnam paṇinissatṭham. **Sakasakaodhivasenāti** dve odhī kilesodhi ca maggodhi ca. Tattha kilesodhivasenāpi ye kilesā yaṃ maggavajjhā, te aññamaggavajjhehi amissā hutvā sakeneva odhinā pahīnā. Maggodhivasenāpi ye kilesā yena maggena pahātabbā, tena teyeva pahīnā honti. Evaṃ sakasakaodhivasena tam tam kilesajātam cattameva hoti paṇinissatṭham, tam paccavekkhitvā ca laddhasomanasso tatuttaripi so “buddhe aveccappasādena samannāgatomhī”ti labhati atthavedanti sambandho.

Yatodhi **khotipi** pāṭho. Tassa vasena ayamattho, assa bhikkhuno yatodhi kho pana cattam hoti paṇinissatṭham. Tattha **yatoti** kāraṇavacanam, yasmāti vuttam hoti. **Odhīti** heṭṭhā tayo maggā vuccanti. Kasmā? Te hi odhiṃ katvā koṭṭhāsam katvā uparimaggena pahātabbakilese ṭhapetvā pajahanti, tasmā **odhīti** vuccanti. Arahattamaggo pana kiñci kilesam anavasesetvā pajahati, tasmā **anodhīti** vuccati. Imassa ca bhikkhuno heṭṭhāmagattayena cattam. Tena vuttam “yatodhi kho panassa cattam hoti”ti. Tattha **kho panāti** nipātamattam. Ayaṃ pana piṇḍattho. Yasmā assa odhi cattam hoti paṇinissatṭham, tasmā tam paccavekkhitvā ca laddhasomanasso tatuttaripi so “buddhe aveccappasādena samannāgatomhī”ti labhati atthavedanti yathāpāli netabbam.

Tattha **cattanti** idaṃ sakabhāvapariccajanavasena vuttaṃ. **Vantanti** idaṃ pana anādiyanabhāvadassanavasena. **Muttanti** idaṃ santatito vinimocanavasena. **Pahīnanti** idaṃ muttassapi kvaci anavaṭṭhānadassanavasena. **Paṭinissaṭṭhanti** idaṃ pubbe ādinnapubbassa paṭinissaggadassanavasena paṭimukhaṃ vā nissaṭṭhabhāvadassanavasena bhāvanābalena abhibhuyya nissaṭṭhabhāvadassanavasenāti vuttaṃ hoti. **Labhati atthavedaṃ labhati dhammavedanti** ettha buddhādīsu aveccappasādoyeva araṇīyato **attho**, upagantabbatoti vuttaṃ hoti. Dhāraṇato **dhammo**, vinipatitū appadānatoti vuttaṃ hoti. **Vedoti** ganthopi ñāṇampi somanassampi. “Tiṇṇaṃ vedānaṃ pāragū”tiādīsu (dī. ni. 1.256) hi gantho “vedo”ti vuccati. “Yaṃ brāhmaṇaṃ vedagumābhijaññā, akiñcanaṃ kāmabhāve asatta”ntiādīsu (su. ni. 1065) ñāṇaṃ. “Ye vedajātā vicaranti loke”tiādīsu somanassaṃ. Idha pana somanassañca somanassasampayuttañāṇaṃca adhippetā, tasmā “labhati atthavedaṃ labhati dhammavedanti aveccappasādārammaṇasomanassañca somanassamayañāṇaṃca labhati”ti evamettha attho veditabbo.

Atha vā **atthavedanti** aveccappasādaṃ paccavekkhato uppannaṃ vuttappakārameva vedaṃ. **Dhammavedanti** aveccappasādassa hetuṃ odhiso kilesappahānaṃ paccavekkhato uppannaṃ vuttappakārameva vedanti evampi ettha attho veditabbo. Vuttañhetā “hetumhi ñāṇaṃ dhammapaṭisambhidā, hetuphale ñāṇaṃ atthapaṭisambhidā”ti (vibha. 718-719). **Dhammūpasamhitāṃ pāmojjanti** tameva atthañca dhammañca atthadhammānisamsabhūtaṃ vedañca paccavekkhato uppannaṃ pāmojjaṃ. Tañhi anavajjalakkhaṇena paccavekkhaṇākārappavattena dhammena **upasañhanti** vuccati. **Pamuditassa pīti jāyatīti** iminā pāmojjena pamuditassa nirāmisā pīti jāyati. **Pītimanassāti** tāya pītiyā pīṇitamanassa. **Kāyo passambhatīti** kāyopi passaddho hoti vūpasantadaratho. **Passaddhakāyo sukhanti** evaṃ vūpasantakāyadaratho cetasikaṃ sukhaṃ paṭisaṃvedeti. **Cittaṃ samādhiyatīti** cittaṃ sammā ādhiyati appitaṃ viya acalaṃ tiṭṭhati.

76. Evamassa kilesappahānaṃ aveccappasādasamannāgataṃ paccavekkhato uppajjamānaṃ somanassādiānisamsaṃ dassetvā idāni “yathodhi kho pana me”ti vārena tassa paccavekkhaṇāya pavattākāraṃ pakāsetvā tasseva anāgāmimaggaṇubhāvasūcakaṃ phalaṃ dassento **sa kho so, bhikkhavi**tiādīmāha.

Tattha **evaṃsīloti** tassa anāgāmimaggasampayuttaṃ sīlakkhandhaṃ dasseti. **Evaṃdhammo evaṃpaññoti** taṃsāmpayuttameva samādhikkhandhaṃ paññākkhandhañca dasseti. **Sālinanti** lohitasāligandhasāliādīnaṃ anekarūpānaṃ. **Piṇḍapātanti** odanaṃ. **Vicitakālakanti** apanītakālakāṃ. **Nevassa taṃ hoti antarāyāyāti** tassa evaṃvidhassa bhikkhuno taṃ vuttappakārapīṇḍapātabhojanaṃ

maggassa vā phalassa vā neva antarāyāya hoti, paṭiladdhaguṇassa hi taṃ kimantarāyaṃ karissati? Yopissa appaṭiladdho catutthamaggo ca phalaṃ ca tappaṭilābhāya vipassanaṃ ārabhatopi nevassa taṃ hoti antarāyāya, antarāyaṃ kātuṃ asamatthameva hoti. Kasmā? Vuttappakārasīladhammapaññāsaṅghena maggena visuddhacittatā.

Yasmā cettha etadeva kāraṇaṃ, tasmā tadanurūpaṃ upamaṃ dassento **seyyathāpīti**ādimaḥa.

Tattha **acchanti** vippassanaṃ. **Parisuddhaṃ** malavigamena. **Pariyodātaṃ** pabhassaratāya. **Ukkāmukhanti** suvaṇṇakārānaṃ mūsāmukhaṃ. Suvaṇṇakārānaṃ mūsā hi idha **ukkā**, aññattha pana dīpikādayopi vuccanti. “Ukkāsu dhārīyamānāsū”ti (dī. ni. 1.159) hi āgataṭṭhāne dīpikā “ukkā”ti vuccati. “Ukkaṃ bandheyya, ukkaṃ bandhitvā ukkāmukhaṃ ālimpeyyā”ti (ma. ni. 3.360) āgataṭṭhāne aṅgārapallamaṃ. “Kammārānaṃ yathā ukkā, anto jhāyati no bahī”ti (jā. 2.22.649) āgataṭṭhāne kammāruddhanaṃ. “Evaṃvipāko ukkāpāto bhavissatī”ti (dī. ni. 1.24) āgataṭṭhāne vātavego “ukkā”ti vuccati. Imasmiṃ pana ṭhāne aññesu ca evarūpesu “saṅghasena jātarūpaṃ gahetvā ukkāmukhe pakkhipatī”ti āgataṭṭhānesu suvaṇṇakārānaṃ mūsā “ukkā”ti veditabbā.

Tatrāyaṃ upamāsamsandanā – saṃkiliṭṭhavatthaṃ viya hi saṃkiliṭṭhajātarūpaṃ viya ca imassa bhikkhuno puthujjanakāle kāmarāgādimalānugataṃ cittaṃ daṭṭhabbaṃ. Acchodakaṃ viya ukkāmukhaṃ viya ca anāgāmimaggo. Taṃ udakaṃ ukkāmukhañca āgamaṃ vatthasuvaṇṇānaṃ parisuddhatā viya tassa bhikkhuno vuttappakārasīladhammapaññāsaṅghaṃ anāgāmimaggaṃ āgamaṃ visuddhacittatāti.

**77. So mettāsahagatena cetasāti** yathānusandhivasena desanā āgatā. Tayo hi anusandhī pucchānusandhi ajjhāsayaṇusandhi yathānusandhīti. Tattha “evaṃ vutte aññataro bhikkhu bhagavantaṃ etadavoca ‘siyā nu kho, bhante, bahiddhā asati paritassanā’ti? ‘Siyā bhikkhū’ti bhagavā avocā”ti (ma. ni. 1.242). Evaṃ pucchantānaṃ vissajjitasuttavasena **pucchānusandhi** veditabbo. “Siyā kho pana te brāhmaṇa evamassa, ajjāpi nūna samaṇo gotamo avītarāgo”ti (ma. ni. 1.55) evaṃ paresaṃ ajjhāsayaṃ viditvā vuttassa suttassa vasena **ajjhāsayaṇusandhi** veditabbo. Yena pana dhammena ādimhi desanā utṭhitā, tassa dhammassa anurūpadhammavasena vā paṭipakkhavasena vā yesu suttasu upari desanā āgacchati, tesāṃ vasena **yathānusandhi** veditabbo. Seyyathidaṃ, ākaṅkheyyasutte heṭṭhā sīlena desanā utṭhitā, upari cha abhiññā āgatā. Kakacūpame heṭṭhā akkhantiyā utṭhitā, upari kakacūpamovādo āgato. Alagadde heṭṭhā diṭṭhiparidīpanena utṭhitā, upari tiparivaṭṭasunñatāpakāsanā āgatā, cūlaassapure heṭṭhā kilesaparidīpanena



uṭṭhitā, upari brahmavihārā āgatā. Kosambiyasutte heṭṭhā bhaṇḍanena uṭṭhitā, upari sāraṇīyadhammā āgatā. Imasmimpi vatthasutte heṭṭhā kilesaparidīpanena uṭṭhitā, upari brahmavihārā āgatā. Tena vuttam “yathānusandhivasena desanā āgatā”ti. Brahmavihāresu pana anupadavaṇṇanā ca bhāvanānayo ca sabbo sabbākārena visuddhimagge vutto.

**78.** Evaṃ bhagavā abhijjhādīnaṃ upakkilesānaṃ paṭipakkhabhūtaṃ sabbaso ca kāmarāgabyāpādappahānena vihatapaccatthikattā laddhapadaṭṭhānaṃ tassa anāgāmino brahmavihārabhāvanaṃ dassetvā idānissa arahattāya vipassanaṃ dassetvā arahattappattiṃ dassetuṃ **so atthi idanti**ādīmāha.

Tassattho – so anāgāmī evaṃ bhāvitabrahmavihāro etesaṃ brahmavihārānaṃ yato kutoci vuṭṭhāya te eva brahmavihāradhamme nāmasena tesam nissayaṃ hadayaavatthum vatthunissayāni bhūtānīti iminā nayena bhūtupādāyadhamme rūpavasena ca vavatthapetvā **atthi idanti** pajānāti, ettāvatānena dukkhasaccavavatthānaṃ kataṃ hoti. Tato tassa dukkhassa samudayaṃ paṭivijjhanto **atthi hīnanti** pajānāti, ettāvatānena samudayasaccavavatthānaṃ kataṃ hoti. Tato tassa pahānupāyaṃ vicinanto **atthi paṇīti** pajānāti, ettāvatānena maggasaccavavatthānaṃ kataṃ hoti. Tato tena maggena adhigantabbatthānaṃ vicinanto **atthi uttari imassa saññāgatassa nissaraṇanti** pajānāti, imassa mayā adhigatassa brahmavihārasaññāgatassa uttari nissaraṇaṃ nibbānaṃ atthīti evaṃ pajānātīti adhippāyo, ettāvatānena nirodhasaccavavatthānaṃ kataṃ hoti. **Tassa evaṃ jānato evaṃ passatoti** tassa vipassanāpaññāya evaṃ catūhi ākārehi cattāri saccāni jānato, maggapaññāya evaṃ passato, bhayabherave vuttanayeneva kāmāsavāpi cittaṃ vimuccati...pe... itthattāyāti pajānātīti.

Evaṃ yāva arahattā desanaṃ pāpetvā idāni yasmā tassam parisati nhānasuddhiko brāhmaṇo nisinno, so evaṃ nhānasuddhiyā vaṇṇaṃ vuccamānaṃ sutvā pabbajitvā arahattaṃ pāpuṇissatīti bhagavatā vidito, tasmā tassa codanatthāya “ayaṃ vuccati, bhikkhave, bhikkhu sināto antarena sinānenā”ti imaṃ pāṭiyekkaṃ anusandhimāha. Tattha **antarena sinānenāti** abbhantarena kilesavutthānasinānena.

**79. Sundarikabhāradvājoti bhāradvājo** nāma so brāhmaṇo attano gottavasena, sundarikāya pana nadiyā sinātassa pāpappahānaṃ hotīti ayamassa diṭṭhi, tasmā “sundarikabhāradvājo”ti vuccati. So taṃ bhagavato vacanaṃ sutvā cintesi “mayam sinānasuddhiṃ vaṇṇema, samaṇopi gotamo tatheva vaṇṇeti, samānacchando dāni esa amhehī”ti. Atha bhagavantaṃ bāhukaṃ nadiṃ gantvā taṃ tattha pāpaṃ pavāhetvā āgataṃ viya maññamāno āha “gacchati pana bhavaṃ gotamo bāhukaṃ nadiṃ sināyitu”nti? Bhagavā tassa gacchāmīti vā na gacchāmīti vā avatvāyeva brāhmaṇassa diṭṭhisamugghātaṃ kattukāmo “kim brāhmaṇa

bāhukāya nadiyā, kiṃ bāhukā nadī karissatī’’ti āha. Tassattho kiṃ payojanam bāhukāya, kiṃ sā karissati? Asamatthā sā kassaci atthāya, kiṃ tattha gamissāmīti?

Atha brāhmaṇo taṃ pasamsanto **lokkhasammatā**tiādīmāha. Tattha **lokkhasammatā**ti lūkhabhāvasammatā, **lūkhabhāvanti** cokkhabhāvaṃ, visuddhibhāvaṃ detīti evaṃ sammatāti vuttaṃ hoti. **Lokyasammatā**tipi pāṭho. Tassattho, seṭṭhaṃ lokaṃ gamayatīti evaṃ sammatāti. **Puññasammatā**ti puññanti sammatā. **Pavāhetī**ti gamayati visodheti. **Gāthāhi ajjhabhāsī**ti gāthāhi abhāsī. Gāthā ca vuccamānā tadatthadīpanatthameva vā gāthārucikānaṃ vuccati, visesatthadīpanattham vā. Idha panetā ubhayatthadīpanattham vuttāti veditabbā.

**Bāhukanti** idameva hi ettha vacanam tadatthadīpakam, sesāni visesatthadīpakāni. Yatheva hi bāhukam, evaṃ adhikakkādīnipi loko gacchati nhānena pāpaṃ pavāhetum. Tattha ye tesam ṭhānānaṃ āsannā honti, te divasassa tikkhattum nhāyanti. Ye dūrā, te yathākkamaṃ dvikkhattum sakim ekadivasantaram, evaṃ yāva saṃvaccharantaram nhāyanti. Ye pana sabbathāpi gantum na sakkonti, te ghaṭhepi tato udakam āharāpetvā nhāyanti. Sabbañcetam niratthakam, tasmā imaṃ visesattham dīpetum **adhikakkādīnipī**ti āha.

Tattha **adhikakkanti** nhānasambhāravasena laddhavohāram ekaṃ tittham vuccati. **Gayā**tipi maṇḍalavāpisaṅghānaṃ titthameva vuccati. **Payāgā**ti etampi gaṅgāya ekaṃ titthameva mahāpanādassa rañño gaṅgāyaṃ nimuggapāsādassa sopānasammukhaṭṭhānaṃ, bāhukā sundarikā sarassatī bāhumatīti imā pana catasso nadiyo. **Bāloti** duppañño. **Pakkhandoti** pavisanto. **Na sujjatī**ti kilesasuddhim na pāpuṇāti, kevalam rajojallameva pavāheti.

**Kiṃ sundarikā karissatī**ti sundarikā kilesavisodhane kiṃ karissati? Na kiñci kātum samatthāti adhippāyo. Esa nayo **payāgabāhukā**su. Imehi ca tīhi padehi vuttehi itarānipi cattāri lakkhaṇāhāranayena vuttāneva honti, tasmā yatheva sundarikā payāgā bāhukā na kiñci karonti, tathā adhikakkādayopīti veditabbā.

**Verinti** pāṇātipātādīpañcaverasamannāgataṃ. **Katakibbisanti** kataluddakammaṃ. **Na hi nam sodhayeti** sundarikā vā payāgā vā bāhukā vā na sodhaye, na sodhetīti vuttaṃ hoti. **Pāpakamminanti** pāpakehi verakibbisakammehi yuttaṃ, lāmakakamme yuttaṃ vā verakibbisabhāvaṃ appattehi khuddakehipi pāpehi yuttanti vuttaṃ hoti.

**Suddhassā**ti nikkilesassa. **Sadā phaggū**ti niccampi phaggunīnakkhattameva. Phaggunamāse kira “uttaraphaggunadivase yo nhāyati, so saṃvaccharam

katapāpaṃ sodhetī”ti evaṃ diṭṭhiko so brāhmaṇo, tenassa bhagavā taṃ diṭṭhiṃ paṭihananto āha “suddhassa ve sadā phaggū”ti. Nikkilesassa niccaṃ phaggunīnakkhattaṃ, itaro kiṃ sujġhatīti? **Uposatho sadāti** suddhassa ca cātuddasapannarasādīsu uposathaṅgāni asamādiyatoṇi niccameva uposatho. **Suddhassa sucikammassāti** nikkilesatāya suddhassa sucīhi ca kāyakammādīhi samannāgatassa. **Sadā sampajjate vatanti** īdisassa ca kusalūpasañhitam vatasamādānampi niccaṃ sampannameva hotīti. **Idheva sināhīti** imasmiṃyeva mama sāsane sināhi. Kiṃ vuttaṃ hoti? “Sace ajġhattikakilesamalappavāhanam icchasi, idheva mama sāsane aṭṭhaṅgikamaggasalilena sināhi, aññatra hi idaṃ natthī”ti.

Idānissa sappāyadesanāvasena tīsupi dvāresu suddhiṃ dassento **sabbabhūtesu karoḥi khematanti**ādīmāha. Tattha **khematanti** abhayaṃ hitabhāvaṃ, mettanti vuttaṃ hoti. Etenassa manodvārasuddhi dassitā hoti.

**Sace musā na bhaṇasīti** etenassa vacīdvārasuddhi. **Sace pāṇaṃ na hiṃsasi sace adinnaṃ nādiyāsīti** etehi kāyadvārasuddhi. **Saddahāno amaccharīti** etehi pana naṃ evaṃ parisuddhadvāraṃ saddhāsampadāya cāgasampadāya ca niyojesi. **Kiṃ kāhasi gayaṃ gantvā, udapānopi te gayāti** ayaṃ pana upaḍḍhagāthā, sace sabbabhūtesu khematam karissasi, musā na bhaṇissasi, pāṇaṃ na hanissasi, adinnaṃ nādiyissasi, saddahāno amaccharī bhavissasi, kiṃ kāhasi gayaṃ gantvā udapānopi te gayā, gayāyapi hi te nhāyantassa udapānepi imāya eva paṭipattiyā kilesasuddhi, sarīramalasuddhi pana ubhayattha samāti evaṃ yojetabbaṃ. Yasmā ca loke gayā sammatatarā, tasmā tassa bhagavā “gacchati pana bhavaṃ gotamo bāhuka”nti puṭṭhopi “kiṃ kāhasi bāhukaṃ gantvā”ti avatvā “kiṃ kāhasi gayaṃ gantvā”ti āhāti vedītabbo.

**80. Evaṃ vutteti** evamādi bhayabherave vuttatā pākāṭameva. **Eko vūpakaṭṭhoti**ādīsu pana **eko** kāyavivekena. **Vūpakaṭṭho** cittavivekena. **Appamatto** kammatṭhāne sati avijahanena. **Ātāpī** kāyikacetasikavīriyasañkhātena ātāpena. **Pahitatto** kāye ca jīvite ca anapekkhatāya. **Viharanto** aññatarairiyāpathavihārena. **Nacirassevāti** pabbajjam upādāya vuccati. **Kulaputtāti** duvidhā kulaputtā jātikulaputtā ca ācārakulaputtā ca, ayaṃ pana ubhayathāpi kulaputto. **Agārasmāti** gharā. Agārassa hitam **agāriyam**, kasigorakkhādikuṭumbaposaṇakammaṃ vuccati, natthi ettha agāriyanti **anagāriyam**, pabbajjāyetaṃ adhivacanaṃ. **Pabbajantīti** upagacchanti upasaṅkamaṇti. **Tadanuttaranti** taṃ anuttaraṃ. **Brahmacariyapariyosānanti** maggabrahmacariyassa pariyosānaṃ, arahattaphalanti vuttaṃ hoti. Tassa hi atthāya kulaputtā pabbajanti. **Diṭṭheva dhammeti** tasmīṃyeva attabhāve. **Sayaṃ abhiññā sacchikatvāti** attanāyeva paññāya paccakkhaṃ katvā, aparappaccayaṃ katvāti attho. **Upasampajja vihāsīti**

pāpuṇitvā sampādetvā vihāsīti, evaṃ viharanto ca khīṇā jāti...pe... abbhāññāsi.  
Etenassa paccavekkhaṇabhūmiṃ dasseti.

Katamā panassa jāti khīṇā? Kathaṅca naṃ abbhāññāsīti? Vuccate, kāmañcetam  
bhayabheravepi vuttam, tathāpi naṃ idha paṭhamapurisavasena yojanāyassa  
dassanattam puna saṅkhepato bhaṇāma. Na tāvassa atītā jāti khīṇā, pubbeva  
khīṇattā. Na anāgatā, tattha vāyāmābhāvato. Na paccuppanā, vijjamānattā.  
Maggassa pana abhāvitattā yā uppajjeyya ekacatupañcavokārabhavesu  
ekacatupañcakkhandhappabhedā jāti, sā maggassa bhāvitattā anuppādadhammatam  
āpajjanena khīṇā, tam so maggabhāvanāya pahīnakilese paccavekkhitvā kilesābhāve  
vijjamānampi kammaṃ āyatim appaṭisandhikam hotīti jānanto jānāti.

**Vusitanti** vuttam parivuttam, katam caritam niṭṭhāpitanti attho.  
**Brahmacariyanti** maggabrahmacariyam. **Katam karaṇīyanti** catūsu saccesu catūhi  
maggehi pariññāpahānasacchikiriyabhāvanāvasena soḷasavidhampi kiccam  
niṭṭhāpitanti attho. **Nāparam itthattāyāti** idāni punaitthabhāvāya  
evaṃsoḷasakiccabhāvāya, kilesakkhayāya vā maggabhāvanā natthīti. Atha vā,  
**itthattāyāti** itthabhāvato imasmā evaṃpakārā idāni vattamānakkhandhasantānā  
aparam khandhasantānam natthi. Ime pana pañcakkhandhā pariññātā tiṭṭhanti,  
chinnamūlako rukkho viyāti abbhāññāsi. **Aññataroti** eko. **Arahatanti** arahantānam,  
bhagavato sāvakānam arahatam abbhantaro ahoṣīti.

Papañcasūdaniyā majjhimanikāyaṭṭhakathāya

Vatthasuttavaṇṇanā niṭṭhitā.